



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



Chúng tôi cam kết sẽ mang đến "Sức khỏe và niềm vui"  
thông qua sản phẩm chất lượng cao đến người tiêu dùng Việt.

# NỘI DUNG

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	3
I. Thông tin chung.....	4
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Lịch sử hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	7
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	13
5. Định hướng phát triển.....	16
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	19
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	19
2. Tổ chức và nhân sự.....	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	24
4. Tình hình tài chính.....	24
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	25
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	27
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	27
2. Tình hình tài chính.....	27
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	28
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	29
6. Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	30
IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty.....	33
1. Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh.....	33
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.....	33
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.....	33
V. Quản trị công ty.....	35
1. Hội đồng Quản trị.....	35
2. Ban kiểm soát.....	37
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2018.....	38
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan.....	38
VI. Báo cáo tài chính.....	39

## THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị,

Thay mặt HĐQT của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood), tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể Quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác kinh doanh và các cơ quan, đoàn thể đã ủng hộ, gắn bó và cùng với Interfood vượt qua những trở ngại để hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong năm 2018.

Kết quả kinh doanh trong năm 2018 của công ty rất tuyệt vời. Công ty đã đạt được kết quả vượt mục tiêu cả về doanh thu và lợi nhuận và con số lợi nhuận cuối cùng là trên 180 tỷ đồng.

Đây là kết quả cao nhất kể từ khi KIRIN gia nhập vào thị trường Việt Nam.

Trong năm 2018, IFS sẽ chuyển sang một bước phát triển mới với ba mục tiêu định hướng như sau:

### **Thứ nhất: Công ty có lợi nhuận**

Một công ty không có lợi nhuận không thể tiếp tục tồn tại. Lợi nhuận là tiền đề chính của việc tồn tại, vì vậy trước hết Công ty phải có lợi nhuận, và điều này chúng ta đã thực hiện được trong 03 năm vừa qua kể từ năm 2016.

Và, chúng ta đã đạt được mục tiêu này như tôi đã đề cập lúc đầu. Cuối cùng, Công ty đã đứng vững ở vạch khởi đầu mới.

### **Thứ hai: Công ty tuyệt vời**

Tuy nhiên, mục tiêu này không phải tạo ra lợi nhuận, mà là việc cải thiện các hoạt động của Công ty. Tôi không muốn Công ty có lợi nhuận bằng các hành động xấu. Tôi muốn Công ty được mọi người nhắc đến là “Interfood là Công ty nghiêm túc, đó thật sự là một Công ty”.

### **Cuối cùng, Công ty vì con người**

Nhiệm vụ của chúng ta, hay ý nghĩa của sự tồn tại là “*Mang đến hạnh phúc cho người Việt bằng việc cung cấp các giá trị mới thông qua sản phẩm An toàn – An tâm – Tốt cho sức khỏe*”. Hay nói một cách đơn giản hơn chính là: Mục tiêu của Công ty là mang đến hạnh phúc cho người Việt.

Định hướng của Công ty từ trước đến nay vẫn không thay đổi. Với việc chúng ta đang bước từng bước hướng đến mục tiêu tương lai, đó cũng chính là sự phát triển to lớn của Công ty. Hãy cùng nhau cố gắng để năm nay tiếp tục là một năm tuyệt vời!

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



## I. THÔNG TIN CHUNG

---

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)
- Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600245631
- Vốn điều lệ: 871.409.920.000 VNĐ
- Số điện thoại: (0251) 511 138 - Fax: (0251) 512 498
- Website: www.wonderfarmonline.com
- Mã cổ phiếu: IFS

### 2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**1991** Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế (“IFPI”) – được thành lập vào ngày 16/11/1991 theo giấy phép đầu tư số. 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI đổi chủ sở hữu sang Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia) theo giấy phép số 270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 đô la Mỹ.

**1994** Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh.

**2003** Công ty được phép sản xuất các sản phẩm nước trái cây có ga và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên thành 23.000.000 đô la Mỹ.

**2004** Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp các tiện ích sản xuất và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm của Interfood.

**2005** Tháng 1 năm 2005, Công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET. Tổng vốn đầu tư của Công ty tăng lên 30.000.000 đô la Mỹ.

Từ ngày 09/08/2005, IFS được chuyển thành công ty cổ phần dưới tên Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“IFS”) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. IFS là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30.000.000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 đô la Mỹ.

- 2006** Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Trong năm này, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng nâng tổng vốn góp chủ sở hữu lên 242.841.600.000 đồng (tương đương 24.284.160 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP). Ngày 17 tháng 10 năm 2006. Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) dưới mã chứng khoán: “IFS”.
- 2007** Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1; theo đó nâng tổng số cổ phần của Công ty được niêm yết tại HOSE là 6.875.359 cổ phần. Tổng vốn đầu tư đăng ký của Công ty tăng lên 1.444.500.000.000 đồng (tương đương 90.000.000 đô la Mỹ) và vốn điều lệ là 291.409.920.000 đồng (tương đương 29.140.992 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP) Năm 2007, IFS mua lại 90% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“AVA”) (trước đây là AVA Food Industries Ltd) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm và cho thuê nhà xưởng.
- 2008** Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ Phần Bao bì Thực phẩm Quốc Tế) đã thành lập với 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.
- Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. IFS chiếm 90% vốn của công ty này. Tuy nhiên, Công ty không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động và đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010.
- 2009** Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy tại trung tâm Thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị và hàng tồn kho đến nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.
- Trong năm 2009, Công ty đã chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd.và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).
- 2010** Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư còn lại của mình tại Crown Đồng Nai cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd.

- 2011** Ngày 11 tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin sở hữu 57,25% cổ phần IFS. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.
- 2012** Tháng 6 năm 2012, Kirin tăng cổ phần của mình trong Interfood lên 80,37% (tương đương 23.421.955 cổ phiếu) thông qua việc TOH mua lại tất cả các cổ phiếu đang lưu hành của Indochina Beverage Holdings (“IBH”) – Công ty đang nắm giữ 23,12% (tương đương 6.737.309 CP) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Interfood.
- Tháng 12 năm 2012, toàn bộ cổ phần trong Grande Indigo Global Ltd. (bao gồm 1.938.327 cổ phiếu của Interfood) được Kirin mua lại, Grande Indigo Global Ltd. trở thành một công ty liên kết với TOH và IBH..
- 2013** Interfood tăng vốn điều lệ từ 291.409.920.000 đồng thành 501.409.920.000 đồng (tương đương 50.140.992 CP), thông qua đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited, nâng tỷ lệ cổ phần của Kirin tại Interfood lên 92,46%.
- Theo Thông báo số 395/2013 của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó giao dịch trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam..
- 2014** Interfood tăng vốn điều lệ từ 501.409.920.000 đồng thành 711.409.920.000 đồng (tương đương 71.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 21.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Company Limited.
- 2015** Interfood tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 đồng thành 871.409.920.000 đồng (tương đương 87.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 16.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), công ty con 100% vốn đầu tư của Kirin Holdings Company, Limited (“Kirin”).
- Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, cuối tháng 12 năm 2015, Kirin đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại IFS cho KHSPL. Theo đó, KHSPL hiện đang nắm giữ 83.360.282 cổ phần IFS, tương đương 95,66% vốn cổ phần của IFS.
- 2016** Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-SGDHN ngày 07/11/2016 của SGDCK Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Thực phẩm Quốc tế, ngày 16/11/2016, cổ phiếu IFS đã chính thức giao dịch trên hệ thống UPCoM.
- Căn cứ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2016, Công ty đã tiến hành việc chấm dứt kinh doanh sản phẩm bánh của IFS và công ty AVA để tập trung nguồn lực phát triển ngành kinh doanh chủ lực là Nước giải khát.

### 3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

#### ❖ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát có ga không cồn hoặc có độ cồn thấp (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc.
- Sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.
- Chế biến và bảo quản rau quả: chế biến nông sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm.
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ.
- Sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

#### ❖ CÁC DÒNG SẢN PHẨM

Thương hiệu	Mô tả
-------------	-------



WONDERFARM là **thương hiệu thức uống lâu đời** trong mỗi gia đình người Việt. Ngày nay, với sự chăm chú của tập đoàn KIRIN Nhật Bản từ khâu tuyển chọn nguyên liệu cho đến khâu chế biến thủ công, sản phẩm **WONDERFARM thật sự đậm đà hương vị truyền thống Việt Nam.**

Sản phẩm WONDERFARM được chế biến từ các loại trái cây tự nhiên chứa nhiều giá trị dinh dưỡng và có lợi cho sức khỏe. Với công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được quản lý chặt chẽ đã tạo ra các sản phẩm nước giải khát mang đậm hương vị thiên nhiên, với lượng đường vừa đủ giúp người tiêu dùng dễ dàng, tiện lợi trong việc thưởng thức sản phẩm nước trái cây bổ dưỡng mỗi ngày.



Là thương hiệu Nhật Bản trên 100 năm, KIRIN tự hào mang **niềm vui và sức khỏe** đến người tiêu dùng **thông qua những sản phẩm chất lượng cao**, được chế biến theo kỹ thuật **công nghệ tiên tiến** đúc kết bởi kinh nghiệm của tập đoàn hơn 100 năm qua tại Nhật Bản.

Sản phẩm KIRIN và WONDERFARM chai PET được sản xuất theo dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng hiện đại của Nhật Bản tại nhà máy KIRIN Việt Nam - giúp sản phẩm giữ được hương vị tự nhiên, đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm, không dùng chất bảo quản và màu nhân tạo.

- **SẢN PHẨM WONDERFARM**

**Trà Bí Đao WONDERFARM** với thành phần làm mát tự nhiên giúp thanh lọc, giải nhiệt cơ thể.



Nhãn hiệu nổi tiếng được ưa chuộng hơn 20 năm qua, được xem là sản phẩm Trà Bí Đao bán chạy nhất tại Việt Nam:

- Nguyên liệu tự nhiên: sản xuất từ trái bí đao tươi, cho hương vị tự nhiên và thơm ngon.
- Tốt cho sức khỏe: giới thiệu Trà Bí Đao WONDERFARM ít đường đáp ứng nhu cầu của những khách hàng quan tâm về sức khỏe.
- Thêm lựa chọn với Trà Bí Đao WONDERFARM chai nhựa tiện dụng phù hợp với cuộc sống năng động.

**Nước Yến WONDERFARM** giá trị dinh dưỡng cao, thích hợp làm quà cho bạn bè, người thân.



**Nước Yến Ngân Nhĩ và Nước Yến Cao Cấp** có chứa thành phần dinh dưỡng cân bằng, được chế biến có chứa tổ yến thật kết hợp với đường phèn để tạo ra sản phẩm thơm ngon và có lợi cho sức khỏe.

Thích hợp khi dùng cho việc phục hồi sức khỏe hay các bữa tiệc chung vui cùng gia đình, bè bạn. Ngoài ra Nước Yến WONDERFARM còn rất thích hợp khi dùng làm quà biếu tặng.



## Nước giải khát WONDERFARM

Được chế biến từ nguồn nguyên liệu tươi phong phú tại Việt Nam, vừa giúp đảm bảo được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm vừa đảm bảo hương vị mang tính truyền thống, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Việt.



Nước cốt dừa WONDERFARM thơm ngon nguyên chất là nguyên liệu không thể thiếu trong bếp của bà nội trợ Việt.



Sản phẩm nước dừa được sản xuất trực tiếp từ nguồn nguyên liệu dừa tươi tại Bến Tre để tạo ra nhiều loại sản phẩm với hương vị và cách thức sử dụng khác nhau. Mỗi loại sản phẩm đem đến sự đa dạng trong sử dụng.

Được tin dùng trong cuộc thi Master Chef Việt Nam và các nhà hàng trên toàn quốc.

## • SẢN PHẨM KIRIN

### KIRIN Ice+

**Ice+** là dòng sản phẩm Nước vị trái cây lần đầu tiên có mặt trên thị trường Việt Nam, được sản xuất với **công nghệ tiên tiến Nhật Bản Aseptic**. Đặc trưng sản phẩm là nước tinh khiết hòa quyện với nước ép trái cây được đông kết ở **nhiệt độ -18<sup>0</sup>C**, giúp sản phẩm giữ được độ thơm ngon tinh khiết như trái cây vừa hái, vừa đảm bảo độ an toàn thực phẩm tuyệt đối do không sử dụng bất kỳ chất bảo quản, hay tạo màu tạo mùi nhân tạo nào.



## KIRIN LATTE



Với Bí Quyết Tạo Vị Ngon Từ Nhật Bản, Latte là thức uống được chiết xuất từ các thành phần thiên nhiên tốt nhất pha thêm sữa. Vị ngon thanh khiết cùng dư vị nhẹ nhàng của Latte không chỉ giúp bạn thỏa cơn khát mà còn mang đến những phút thư giãn nhẹ nhàng nhất.

## KIRIN TEA BREAK



**Gogo no Kocho** - Sản phẩm trà bán chạy số 1 Nhật Bản nay đã đến Việt Nam với tên gọi mới: **Tea Break**. Đây là sản phẩm chiết xuất từ lá trà Anh Quốc đích thực với phong cách cổ điển pha lẫn với hiện đại. Sản phẩm với vị chất nhẹ của trà, vị ngọt thanh và hương đậm đà sẽ làm cho ngày mới của bạn thêm hứng khởi.

**KIRIN TRÀ XANH NHẬT:** sử dụng 100% lá trà xanh Nhật Bản, được ủ và chiết xuất nước trà tinh túy nhất nhẹ nhàng xoa dịu tâm trí, thư giãn tinh thần.

Những lá trà tươi ngon từ tỉnh Shizuoka Nhật Bản được thu hoạch, xử lý và nhập khẩu về Việt Nam.

- Sản phẩm sử dụng nước tinh khiết.
- Được chiết xuất ở nhiệt độ chính xác đòi hỏi kỹ thuật chuyên nghiệp.
- Chỉ chiết nước trà đầu tiên.
- Chai PET, ít đường hoặc không đường.



## ICE+ SƠ RI BEAUTI:

- **Ice+ Sơ Ri Beauti** với Glutathione từ Nhật Bản giúp **sáng da tự nhiên**.
- Hương vị sơ ri tự nhiên thơm ngon.
- Mỗi ngày 1 chai để giúp da tươi tắn hơn.

**Glutathione** còn đóng vai trò là chất chống oxy hóa, chống lão hóa làn da; hỗ trợ giải độc cơ thể; tăng cường hệ thống miễn dịch; cải thiện làn da ( giúp sáng da)

**Sử dụng 250mg Glutathione mỗi ngày** trong 12 tuần giúp sáng da tự nhiên - theo nghiên cứu từ công ty hóa sinh Kyowa Hakko Bio.



## KIRIN LATTE CÀ PHÊ & SỮA:

Latte cà phê sữa là sự kết hợp độc đáo giữa cà phê nguyên chất với nguồn sữa nhập khẩu từ New Zealand, được sản xuất bằng công nghệ Nhật Bản hiện đại. Mang đến sản phẩm chất lượng và tiện lợi với giá rẻ cho mọi người.

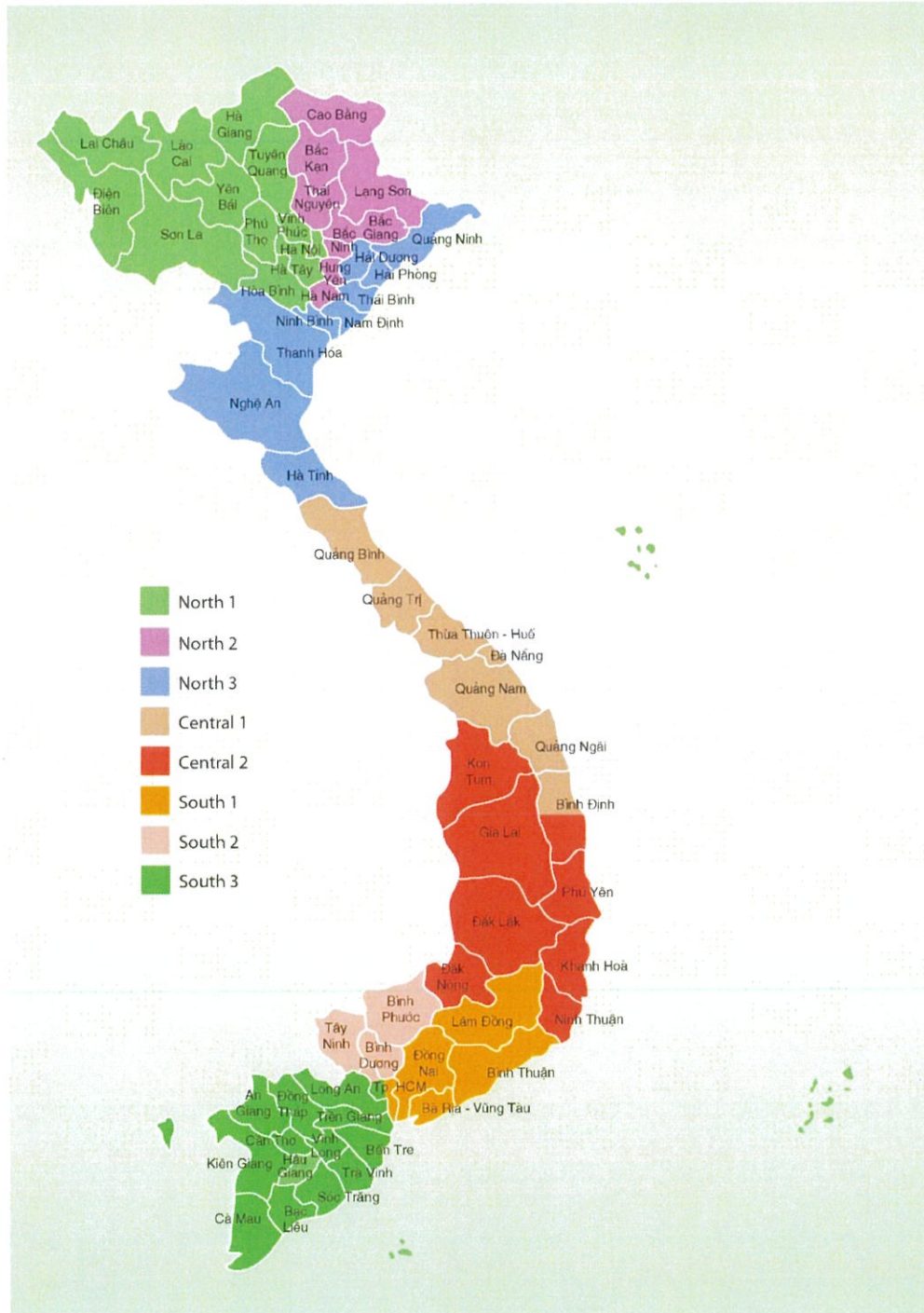
- Chai PET tiện lợi mọi lúc mọi nơi.
- 100% cà phê nguyên chất.
- Giá rẻ cho mọi người.



## ❖ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Thị trường trong nước:

Doanh thu từ thị trường trong nước chiếm khoảng 99% tổng doanh thu của Công ty và được xem là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh. Hệ thống phân phối của Interfood bao phủ toàn bộ 64 tỉnh thành với 156 nhà phân phối, trên 87.000 điểm bán lẻ và có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị ở Việt Nam.

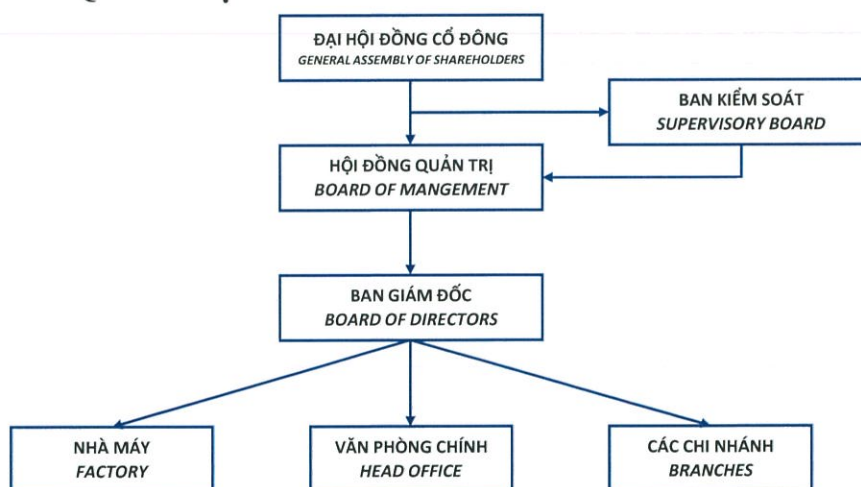


### Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu từ thị trường xuất khẩu chiếm 1% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính là các nước châu Âu, châu Á và Mỹ.

#### 4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

##### ❖ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



##### ❖ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Stt	Họ tên	Chức vụ
<b>Hội đồng quản trị (HĐQT)</b>		
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch (đến ngày 12/4/2018)
2	Ông Yutaka Ogami	Chủ tịch (từ ngày 12/4/2018)
3	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên (đến ngày 12/4/2018)
4	Ông Hirotsugu Otani	Thành viên (đến ngày 12/4/2018)
5	Ông Osamu Harada	Thành viên (từ ngày 12/4/2018)
6	Ông Shinro Fujita	Thành viên (từ ngày 12/4/2018)
7	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên (từ ngày 12/4/2018)
8	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát (BKS)</b>		
1	Bà Trần Thị Ái Tâm	Trưởng ban
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên
3	Ông Koji Kodama	Thành viên (đến ngày 12/4/2018)
4	Ông Yasuomi Ouchi	Thành viên (từ ngày 12/4/2018)
<b>Ban Giám đốc (BGĐ)</b>		
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc (đến ngày 16/3/2018)
2	Ông Yutaka Ogami	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên BGĐ/GĐ Hành chính (từ ngày 16/3/2018) và GĐ Kế Hoạch (đến ngày 29/03/2018)
3	Ông Fumiaki Furuya	Thành viên BGĐ/ GĐ Nhà máy (đến ngày 29/03/2018)
4	Ông Ryuta Onda	Thành viên BGĐ/ GĐ Nhà máy (từ ngày 29/03/2018)
5	Ông Tomohide Ito	Thành viên BGĐ/ GĐ Kế Hoạch (từ ngày 29/03/2018)
6	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên BGĐ/ GĐ Tiếp thị kiêm Giám đốc Kinh doanh
7	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên BGĐ/ GĐ Kiểm soát Nội bộ

❖ CHI NHÁNH, NHÀ MÁY

Chi nhánh, nhà máy	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 11, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 4A, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy Long Thành	Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

❖ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

<b>Công ty con</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM AVA</b>
--------------------	--------------------------------------



Địa chỉ:	Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất món ăn, thực phẩm chế biến gồm bánh, mứt, kẹo, thức ăn nhẹ các loại, các loại sản phẩm chế biến từ gia cầm. Sản xuất thực phẩm chế biến gồm các loại chế biến từ rau quả. Sản xuất các loại bánh. Sản xuất thực phẩm chế biến gồm chế biến nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết. Cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng doi dư.
Vốn điều lệ thực góp:	81.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	90,4% (7.322.400 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần)



Địa chỉ:	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất và gia công sản xuất đồ uống không cồn, sản xuất sữa và các đồ uống giải khát từ sữa, sản xuất thực phẩm chức năng và bổ sung vi chất dinh dưỡng dạng lỏng.
Vốn điều lệ thực góp:	795.800.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	Không

## 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### SỨ MỆNH

Mang đến những sản phẩm an toàn, an tâm bảo vệ sức khỏe với giá trị mới.  
Mang hạnh phúc đến cho người Việt

### GIÁ TRỊ

Chính trực; Lành Mạnh;  
Có đam mê; cùng nhau hoàn thành

### TÂM NHÌN TRUNG HẠN (2021)

「KIRIN」được khách hàng Việt nhận biết với thương hiệu cung cấp thức uống chất lượng cao và tốt cho sức khỏe qua việc kinh doanh thức uống mang đến sự an toàn - an tâm.

### TÂM NHÌN DÀI HẠN (2027)

「KIRIN」= danh xưng đại diện ngành hàng thức uống tốt cho sức khỏe, thức uống chức năng; có được sự gắn kết và trung thành cao từ khách hàng, được tin tưởng là “Công ty cung cấp thương hiệu với chất lượng cao nhất” thông qua việc kinh doanh thức uống mang đến sự an toàn – an tâm.

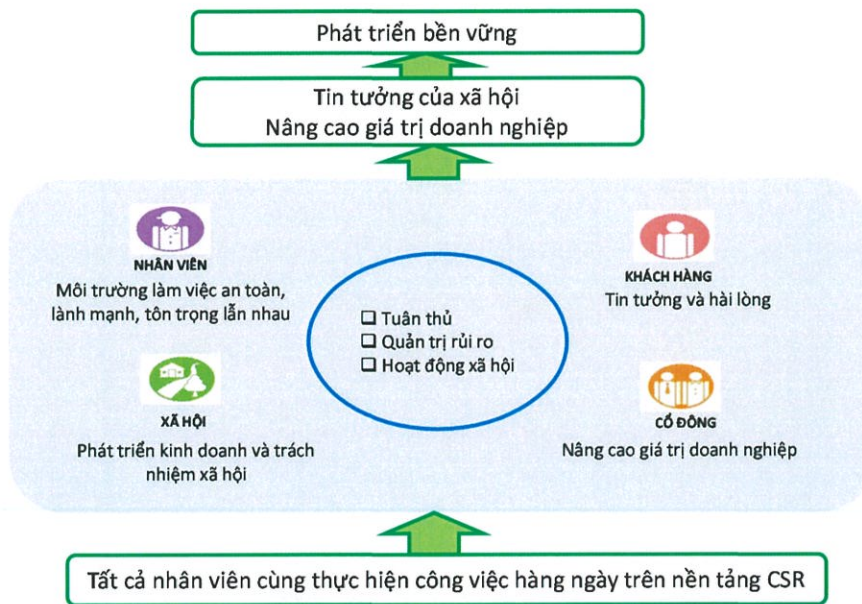


## ❖ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc xây dựng và duy trì văn hóa tuân thủ là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong việc tạo dựng uy tín và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Interfood luôn nỗ lực phổ biến và nâng cao ý thức Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (“CSR”) và Tuân Thủ cho nhân viên nhằm đảm bảo phương châm quản lý dựa trên CSR được thực hiện và giám sát trên toàn bộ Công ty.

- CSR: Công ty cam kết thông qua hoạt động kinh doanh của mình góp phần cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Compliance (Tuân thủ): tuân thủ các quy định của pháp luật, các chuẩn mực xã hội, nguyên tắc ứng xử của Công ty cũng như ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Quản trị rủi ro: hệ thống được thiết lập nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất do những sự kiện không lường trước bằng cách nhận diện và quản lý những rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



## 6. QUẢN TRỊ RỦI RO

Interfood xây dựng hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) như là một phần của hệ thống quản lý hoạt động kinh doanh và phối hợp với công ty mẹ để triển khai thực hiện QLRR.

Interfood và Công ty con thực hiện triệt để tuân thủ và QLRR nhằm ngăn ngừa những nguy cơ tiềm ẩn, qua đó có thể nhận được sự tín nhiệm lâu dài của khách hàng và xã hội.

Ủy ban QLRR được thành lập để giám sát hoạt động QLRR. Ủy ban QLRR chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc và bao gồm các thành viên là các trưởng phòng ban. Ủy ban QLRR

hợp định kỳ mỗi năm hai lần và khi xét thấy cần thiết để xem xét và giám sát việc thực hiện QLRR và kế hoạch đối ứng rủi ro của toàn Công ty.

❖ **THỰC HIỆN QLRR TRONG NĂM 2018**

- Xây dựng hệ thống QLRR và chính sách QLRR theo chương trình QLRR của Tập đoàn Kirin.
- Xây dựng kế hoạch QLRR và Hướng dẫn ứng phó khủng hoảng và thực hiện chương trình đào tạo về QLRR cho nhân viên.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để theo dõi quy trình và giám sát việc thực hiện kế hoạch QLRR.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

### 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

#### ❖ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Kết quả trong năm 2018, tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty vượt mức 180 tỷ đồng, kết quả này chủ yếu đi từ các nguyên nhân sau đây:

- a) Về doanh thu bán hàng, đội ngũ bán hàng của Công ty luôn bám sát mục tiêu doanh số bán hàng theo từng tuần, từng tháng trên cơ sở triệt để tuân thủ các quy tắc bán hàng cơ bản, tận dụng tốt các cơ hội bán hàng, mở mới điểm bán... để phát huy doanh số. Ban Điều hành Bán hàng luôn theo sát từng hoạt động bán hàng để kịp thời điều chỉnh cơ cấu lực lượng, phân vùng bán hàng để tối ưu hóa năng lực của đội ngũ bán hàng và đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, chính sách khuyến mãi kịp thời, kết quả tổng doanh thu tăng 4% so với kế hoạch. Khoản giảm trừ doanh thu tăng so với kế hoạch chủ yếu do chi phí khuyến mại bằng tiền (thuộc về chi phí bán hàng) thực tế được trình bày vào mục giảm trừ doanh thu. Dẫn đến kết quả là doanh thu thuần tăng chỉ còn 2% so với kế hoạch đề ra.
- b) Về chi phí giá vốn - giá thành sản xuất, trong năm Công ty đã triệt để tuân thủ và triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn lực sản xuất của cán bộ công nhân viên, áp dụng các giải pháp kỹ thuật để tối đa hóa hiệu suất dây chuyền, tìm kiếm các nguồn vật tư đảm bảo chất lượng và giá cả ổn định... dẫn đến tổng chi phí sản xuất trong năm giảm, kết quả giá vốn hàng bán giảm còn 60% doanh thu thuần so với số 63% theo kế hoạch.
- c) Về hoạt động tài chính, ngoài khoản chi phí lãi vay có lãi suất ưu đãi từ Công ty mẹ đã lên kế hoạch duy trì ở mức 0.2% doanh thu (Công ty đã hoàn trả toàn bộ khoản vay từ công ty mẹ vào cuối năm 2018), doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tăng chủ yếu do khoản đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm do có sự biến động đáng kể về chênh lệch tỷ giá trong năm.
- d) Về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong năm 2018, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ bán hàng như chương trình chiết khấu, các chương trình khuyến mãi, thưởng doanh số đặc biệt cho nhà phân phối và đội ngũ bán hàng, chương trình hỗ trợ điểm bán,... với mục đích duy trì doanh số làm cho chi phí bán hàng duy trì ở mức 24% trên doanh thu thuần so với mức 27% số kế hoạch, (tỷ lệ thực tế giảm do khoản trình bày chi phí khuyến mại bằng tiền được trình bày vào mục giảm trừ doanh thu đã nêu ở trên.) Chi phí quản lý doanh nghiệp được ở mức sát với kế hoạch, chiếm tỷ trọng khoảng 3% doanh thu thuần.
- e) Chi phí khác chủ yếu liên quan đến chi phí khấu hao của một số tài sản không sử dụng trong năm.
- f) Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do lợi nhuận trước thuế tăng so với dự kiến, đạt mức 13% trong năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm.

❖ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018		Thực hiện 2018		TH so với KH (%)
	USD	VND '000	USD	VND '000	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>72,942,527</b>	<b>1,658,348,340</b>	<b>73,964,842</b>	<b>1,719,312,753</b>	<b>104%</b>
Các khoản giảm trừ	4,930,519	112,095,355	6,098,861	141,768,023	126%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>68,012,007</b>	<b>1,546,252,986</b>	<b>67,865,981</b>	<b>1,577,544,730</b>	<b>102%</b>
Giá vốn hàng bán	43,409,538	986,915,853	41,024,006	953,603,017	97%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>24,602,469</b>	<b>559,337,133</b>	<b>26,841,975</b>	<b>623,941,713</b>	<b>112%</b>
Doanh thu tài chính	-	-	364,080	8,463,045	
Chi phí tài chính	147,000	3,342,045	508,245	11,814,144	354%
Chi phí bán hàng	18,229,063	414,437,736	15,910,072	369,829,630	89%
Chi phí QLDN	1,569,938	35,692,548	1,514,072	35,194,613	99%
<b>Lãi / (lỗ) từ HĐKD</b>	<b>4,656,468</b>	<b>105,864,804</b>	<b>9,273,666</b>	<b>215,566,371</b>	<b>204%</b>
Thu nhập khác			175,251	4,073,716	
Chi phí khác	240,000	5,456,400	466,218	10,837,235	199%
Lợi nhuận khác	-240,000	-5,456,400	-290,967	-6,763,519	124%
<b>Lãi / (Lỗ) trước thuế</b>	<b>4,416,468</b>	<b>100,408,404</b>	<b>8,982,700</b>	<b>208,802,852</b>	<b>208%</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	883,294	20,081,681	2,054,173	47,749,243	238%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-696,459	-15,834,002	-819,192	-19,042,125	120%
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế</b>	<b>4,229,634</b>	<b>96,160,725</b>	<b>7,747,719</b>	<b>180,095,734</b>	<b>187%</b>
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	2,316	52,644	2,974	69,130	131%
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trong năm</b>	<b>4,227,318</b>	<b>96,108,081</b>	<b>7,750,693</b>	<b>180,164,864</b>	<b>187%</b>

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### ❖ DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
<b>Hội đồng quản trị</b>							
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	1965	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
2	Ông Yutaka Ogami	Chủ tịch	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	1967	Việt Nam		Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
4	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	1965	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
5	Ông Hirotsugu Otani	Thành viên	1972	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
6	Ông Osamu Harada	Thành viên	1973	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
7	Ông Shinro Fujita	Thành viên	1964	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
8	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
<b>Ban Giám đốc (BGĐ)</b>							
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng GĐ	1965	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
2	Ông Yutaka Ogami	Tổng GĐ	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
3	Ông Fumiaki Furuya	GĐ Nhà máy	1967	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
4	Ông Ryuta Onda	GĐ Nhà máy	1969	Nhật Bản		HCM, VN	0%
5	Ông Tomohide Ito	GĐ Kế hoạch	1977	Nhật Bản		HCM, VN	0%
6	Ông Takeshi Fukushima	Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Kinh doanh	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
7	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GĐ Kiểm soát nội bộ	1967	Việt Nam		Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
<b>Kế toán trưởng</b>							
1	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng	1977	Việt Nam		Đồng Nai, VN	0%

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ		Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
		Trước khi thay đổi	Sau khi thay đổi					
<b>Hội đồng quản trị</b>								
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018	1965	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
2	Ông Yutaka Ogami	Thành viên	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ (bỏ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018)	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	Thành viên	1967	Việt Nam		Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
4	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018	1965	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
5	Ông Hirotosugu Otani	Thành viên	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018	1972	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
6	Ông Osamu Harada		Thành viên (bỏ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018)	1973	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
7	Ông Shinro Fujita		Thành viên (bỏ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018)	1964	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
8	Ông Takeshi Fukushima		Thành viên (bỏ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018)	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
<b>Ban Giám đốc</b>								
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng GD kiêm GD Kinh doanh	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 16/3/2018	1965	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
2	Ông Yutaka Ogami	GD Kế hoạch	Tổng GD kiêm GD Hành chính (bỏ nhiệm có hiệu lực từ 16/3/2018)	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
3	Ông Fumiaki Furuya	GD Nhà máy	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 29/3/2018	1967	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
4	Ông Ryuta Onda		GD Nhà máy (bỏ nhiệm có hiệu lực từ 29/3/2018)	1969	Nhật Bản		HCM, VN	0%
5	Ông Tomohide Ito		GD Kế hoạch (bỏ nhiệm có hiệu lực từ 29/3/2018)	1977	Nhật Bản		HCM, VN	0%
6	Ông Takeshi Fukushima	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	1973	Nhật Bản		HCM, VN	0%
7	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GD Kiểm soát nội bộ	GD Kiểm soát nội bộ	1967	Việt Nam		Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
<b>Ban Giám sát</b>								
1	Bà Trần Thị Ái Tâm	Trưởng ban	Trưởng ban	1972	Việt Nam		HCM, VN	0%
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	Thành viên	1966	Việt Nam		HCM, VN	0%

3	Ông Koji Kodama	Thành viên	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2018	1967	Nhật Bản		Nhật Bản	0%
4	Ông Yasuomi Ouchi		Thành viên (bổ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018)	1969	Nhật Bản		Nhật Bản	0%

#### ❖ TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 635 (tại thời điểm 31/12/2018), không bao gồm số lượng nhân viên mà Công ty chi trả lương hộ cho các Nhà phân phối.
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
  - Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
  - Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên (ESS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance)
  - Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
  - Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

### 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2018, Công ty không triển khai các dự án đầu tư lớn.

### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### ❖ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thực tế 2017 VND'000	Thực tế 2018 VND'000	Tăng giảm (%)
<b>Tổng doanh thu</b>	1,525,892,179	1,719,312,753	13%
Các khoản giảm trừ	105,207,528	141,768,023	35%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1,420,684,651</b>	<b>1,577,544,730</b>	<b>11%</b>
Giá vốn hàng bán	918,125,713	953,603,017	4%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>502,558,938</b>	<b>623,941,713</b>	<b>24%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	8,594,690	8,463,045	-2%
Chi phí hoạt động tài chính	11,753,484	11,814,144	1%
Chi phí bán hàng	330,222,418	369,829,630	12%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35,948,250	35,194,613	-2%
<b>Lãi / (lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>133,229,476</b>	<b>215,566,370</b>	<b>62%</b>
Thu nhập khác	1,345,361	4,073,716	203%
Chi phí khác	5,659,481	10,837,235	91%
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>-4,314,120</b>	<b>-6,763,519</b>	<b>57%</b>
<b>Lãi / (Lỗ) trước thuế</b>	<b>128,915,356</b>	<b>208,802,851</b>	<b>62%</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13,921,299	47,749,243	243%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-1,070,851	-19,042,125	1678%
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế</b>	<b>116,064,908</b>	<b>180,095,733</b>	<b>55%</b>
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	-24,743	-69,130	179%
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trong năm</b>	<b>116,089,651</b>	<b>180,164,863</b>	<b>55%</b>



❖ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán hiện thời + Hệ số thanh toán nhanh	133% 82%	246% 140%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ / Tổng tài sản + Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	53% 115%	30% 43%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho + Hệ số Doanh thu thuần / Tổng tài sản	5.9 2.0	4.7 2.0	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	8% 36% 17% 9%	11% 36% 25% 13%	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

❖ CỔ PHẦN

Stt	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số cổ phiếu	87.140.992
2	Số lượng cổ phiếu quỹ	8
3	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	87.140.984
4	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	87.140.984
5	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	0

❖ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại ngày 11/3/2019)

Stt	Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	<b>Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)</b>	-	0.00%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
	Cá nhân	-	0.00%	-	0.00%	-	0.00%
	Tổ chức	-	0.00%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
2	<b>Cổ đông khác (sở hữu dưới 5% vốn CP)</b>	616,350	0.71%	3,164,352	3.63%	3,780,702	4.34%
	Cá nhân	609,892	0.70%	115,955	0.13%	725,847	0.83%
	Tổ chức	6,458	0.01%	3,048,397	3.50%	3,054,855	3.51%
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		0.00%	8	0.00%	8	0.00%
4	<b>Tổng cộng</b>	616,350	0.71%	86,524,642	99.29%	87,140,992	100.00%

❖ **TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện tăng/ giảm vốn điều lệ.

❖ **CỔ PHIẾU QUỸ**

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 08 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm 2018: Không

❖ **CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG**

- Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 chấp thuận cho Công ty không kê khai và chia cổ tức năm 2018 và giữ lại toàn bộ lợi nhuận phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2018 để bổ sung vốn hoạt động của Công ty.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2018, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức tăng trưởng 13% tổng doanh thu so với năm trước.

Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Đào WONDERFARM cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng KIRIN. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng như cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã tung ra một số sản phẩm mới như Ice+ Sơ Ri Beauti, Kirin Latte Cà phê & Sữa, Kirin Latte Cà phê & Caramel.

Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra. Kết quả đạt được, Công ty đã có lãi sau thuế là 180 tỷ đồng.

#### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Công ty có khoản vay bằng đô la Mỹ (USD) từ Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. Trong năm 2018, công ty đã thanh toán toàn bộ khoản nợ vay này.

Chỉ tiêu	Năm 2017 VND'000	Năm 2018 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	694,400,277	720,745,599	4%
Doanh thu thuần	1,420,684,651	1,577,544,730	11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	133,229,477	215,566,370	62%
Lợi nhuận khác	-4,314,120	-6,763,519	57%
Lợi nhuận trước thuế	128,915,357	208,802,851	62%
Lợi nhuận sau thuế	116,064,909	180,095,733	55%

#### 3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

##### ❖ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

Hoạt động kinh doanh gắn liền với Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility – CSR) là những cam kết doanh nghiệp góp phần cho sự phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Công ty luôn nỗ lực thực hiện chính sách CSR trong hoạt động kinh doanh:

- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro nhằm đạt sự quản lý minh bạch để nhận được sự tin tưởng của xã hội.

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tích cực tham gia hoạt động cộng đồng để góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội với tư cách là một công dân doanh nghiệp có trách nhiệm.

Công ty đã thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ với sự hỗ trợ về nhân sự từ Tập đoàn Kirin nhằm góp phần làm giảm rủi ro trong quản lý hoạt động kinh doanh ở Việt Nam thông qua hoạt động tư vấn, đánh giá độc lập và đảm bảo khách quan.

#### ❖ KHỐI KINH DOANH

- Thành lập bộ phận chuyên trách nhằm đẩy mạnh thực hiện duy trì và phát triển kênh KA.
- Điều chỉnh và triển khai thực hiện chính sách chiến lược đối với nhà phân phối và cơ chế quản lý các cửa hàng bán sỉ.

#### ❖ KHỐI SẢN XUẤT

- Tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên và mang đến sức khỏe cả về thể chất và tinh thần cho người tiêu dùng.

#### ❖ KHỐI VĂN PHÒNG

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên (ESS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance).
- Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
- Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

### 4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2019, Công ty đặt mục tiêu tăng doanh số bán hàng bằng cách tập trung vào các sản phẩm thương hiệu KIRIN là động lực tăng trưởng chính của Công ty và thu được lợi nhuận hoạt động với các chiến lược sau:

- Công ty phân tích dữ liệu bán hàng theo khu vực và SKUs qua việc sử dụng hệ thống DMS (Hệ thống quản lý nhà phân phối) và mở rộng thêm các điểm kết nối với người tiêu dùng. Từ đó, Công ty đặt mục tiêu tăng doanh số bán hàng dựa trên các hoạt động bán hàng hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty đầu tư nhiều nguồn lực hơn vào các hoạt động tiếp thị như là tiếp thị truyền thông với người tiêu dùng, nhằm nâng cao nhận thức về thương hiệu KIRIN.

- Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm KIRIN chiến lược mới và xem xét việc khai thác các kênh mới nhằm tăng thêm doanh số trong tương lai.
- Tiếp tục giảm chi phí sản xuất và hợp lý hóa công việc sản xuất một cách triệt để.
- Thực hiện đơn giản hóa và hiệu quả bằng cách cải thiện quy trình kinh doanh thông qua các giải pháp công nghệ thông tin.

Công ty dự kiến tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 1,806 tỷ đồng (tăng khoảng 5% so với năm 2018) và lãi trước thuế trong năm 2019 khoảng 183 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019		Thực hiện 2018		%(+/-)
	USD	VND'000	USD	VND'000	
Tổng doanh thu	77,721,170	1,806,628,585	73,964,842	1,719,312,753	5%
Doanh thu thuần	71,783,437	1,668,605,990	67,865,981	1,577,544,730	6%
Lãi (Lỗ) gộp	27,228,653	632,930,044	26,841,975	623,941,713	1%
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	8,271,055	192,260,662	9,273,666	215,566,371	-11%
Lãi (Lỗ) trước thuế	7,890,903	183,424,035	8,982,700	208,802,852	-12%
Lãi (Lỗ) sau thuế	6,364,825	147,950,366	7,747,719	180,095,734	-18%

## 5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn về môi trường, không ngừng nỗ lực trong việc đầu tư thiết bị và nghiên cứu phát triển công nghệ nhằm mang đến những sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục nỗ lực nâng cao ý thức của nhân viên và các biện pháp đảm bảo an toàn bao gồm đào tạo an toàn trong các cuộc họp toàn công ty hàng tháng, xác nhận tình hình thực hiện các biện pháp an toàn nhằm ngăn ngừa tái phát, kiểm tra định kỳ các khu vực nhằm đảm bảo an toàn thực sự.
- Nâng cao chất lượng: thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng bao gồm kiểm tra định kỳ việc thực hiện kế hoạch ngăn ngừa tái diễn chú trọng đến các vấn đề ưu tiên, nâng cao độ hiểu biết và ISO và HACCP và nâng cao hiệu quả của các hệ thống.

## 6. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Kiến tạo ra giá trị để chia sẻ cho xã hội là chủ trương quan trọng nhất của Tập đoàn KIRIN. Là một thành viên của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế cũng luôn ý thức và nỗ lực chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng để ngày càng làm tốt hơn vai trò công dân doanh nghiệp. Một trong những hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2018 là chương trình tài trợ cho cuộc thi “Học sinh Thành phố với Pháp luật” dành cho các em học sinh – sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh với chủ đề “Tiếng Nói Tuổi Trẻ”. Chương trình được tổ chức bởi Sở Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố, cuộc thi vòng loại diễn ra từ ngày 29/10/2018 đến hết ngày 12/11/2018.



### Lễ phát động chương trình

Thu hút được sự tham gia của hơn 143.000 em học sinh – sinh viên, cuộc thi đã diễn ra sôi động với các vòng thi kiến thức kết hợp với trò chơi đồng đội và tham quan nhà máy Kirin với dây chuyền Aseptic hiện đại. Trải qua cuộc thi, các em học sinh sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều kiến thức mới và bổ ích về luật pháp, trải nghiệm thực tế sản xuất tại nhà máy Kirin, nhưng cũng không kém phần vui vẻ với những chuyến tham gia học tập vô cùng thú vị tại các địa điểm: Khu di tích Ngã Ba Giồng, Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật và trẻ mồ côi TP.HCM và nhà máy KIRIN tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Bình Dương. Chương trình trải nghiệm đã mang đến nhiều cung bậc cảm xúc và cũng như cung cấp nhiều kiến thức bổ ích trong quá trình tham quan.

Chương trình đã phần nào thể hiện được nỗ lực của Công ty theo phương châm kinh doanh “tạo ra những sản phẩm tập trung vào con người và tự nhiên để nhân rộng niềm hạnh phúc về thực phẩm và sức khỏe, bao gồm cả tất cả trạng thái từ thể chất đến tinh thần và phúc lợi xã hội, mang lại lợi ích không chỉ cho cá nhân mà còn cho gia đình, người thân, cộng đồng và các thế hệ tương lai.”



**Tham quan Đài Tưởng niệm Liệt sĩ Ngã Ba Giồng**



**Tham quan Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật và trẻ mồ côi TP.HCM**



**Tham quan nhà máy KIRIN**



## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2018, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức tăng trưởng 13% tổng doanh thu so với năm trước.

- Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao WONDERFARM cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng KIRIN. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã tung ra một số sản phẩm mới như Ice+ Sơ Ri Beauti, Kirin Latte Cà phê & Sữa.
- Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra. Kết quả đạt được, Công ty đã có lãi sau thuế là 180 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2017 VND'000	Năm 2018 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	694,400,277	720,745,599	4%
Doanh thu thuần	1,420,684,651	1,577,544,730	11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	133,229,477	215,566,370	62%
Lợi nhuận khác	-4,314,120	-6,763,519	57%
Lợi nhuận trước thuế	128,915,357	208,802,851	62%
Lợi nhuận sau thuế	116,064,909	180,095,733	55%

### 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

### 3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, HĐQT tiếp tục thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2019.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2019.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

- HĐQT sẽ giám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành Công ty để có định hướng phát triển phù hợp, hỗ trợ kịp thời trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Interfood.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### ❖ THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	09/04/2015	4/6	67%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	15/08/2006	6/6	100%	
3	Ông Yutaka Ogami	Chủ tịch	12/4/2018	6/6	100%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018
4	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	09/04/2015	4/6	67%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018
5	Ông Hirotsugu Otani	Thành viên	09/04/2015	4/6	67%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018
6	Ông Osamu Harada	Thành viên	12/4/2018	2/6	33%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018
7	Ông Shinro Fujita	Thành viên	12/4/2018	2/6	33%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018
8	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên	12/4/2018	2/6	33%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2018

#### ❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2018 như sau:

##### • Phương thức giám sát:

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc khi cần thiết, trao đổi và thảo luận trực tiếp hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại và thư điện tử.

- Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD và Ban Giám đốc về tiến độ thực hiện, cũng như những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

- **Nội dung giám sát:**

Giám sát và đánh giá mức độ hiệu quả của TGD và Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt.

- **Kết quả giám sát:**

- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.

- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

#### ❖ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HĐQT đã tổ chức các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; đảm bảo về số cuộc họp, các thành viên tham dự, trình tự thủ tục thông qua các quyết định theo đúng quy định.

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, Công ty đã có sự phân công công việc giữa các thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ban giám đốc với các thành viên chuyên trách về Kinh doanh, Tiếp thị, Tài chính, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.

#### ❖ CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	RBM180221	21/02/2018	Lịch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty;
2	RBM180312	12/03/2018	Thay đổi các thành viên chủ chốt; Điều chỉnh nội dung các giấy phép; Việc ủy quyền cho ông Yutaka Ogami triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2018; Thành phần Ban Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2020; Điều chỉnh nội dung Nghị quyết HĐQT số RBM140915.
3	RBM180327	27/03/2018	Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
4	RBM180330	30/03/2018	Dự thảo Điều lệ Công ty năm 2018; Dự thảo Quy chế Nội bộ về Quản trị Doanh nghiệp năm 2018.
5	RBM180426	26/04/2018	Đề cử các ứng viên ứng cử vào các vị trí thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava;

6	RBM180724	24/07/2018	Bãi nhiệm Thư ký Công ty và bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty;
---	-----------	------------	--

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### ❖ THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ngày trở thành thành viên BKS	Số lần tham dự cuộc họp BKS	%	Lý do vắng mặt
1	Bà Trần Thị Ái Tâm	Trưởng BKS	12/04/2017	2/2	100%	
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	12/04/2012	2/2	100%	
4	Ông Yasuomi Ouchi	Thành viên	12/04/2018	0/2	0%	Bổ nhiệm từ ngày 12/4/2018

### ❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2018, BKS tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát và đề xuất HĐQT thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, tăng cường hoạt động quản trị và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hoạt động chính của BKS trong năm 2018 như sau:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc (BGĐ) trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD và BGĐ trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Rà soát và kiểm tra các báo cáo tài chính (quý, bán niên và báo cáo năm) trong năm 2017 đã được soát xét và kiểm toán bởi KPMG Việt Nam để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán cũng như đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của các báo cáo tài chính.

### ❖ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Tham dự cuộc họp và/hoặc tham gia thảo luận trong các cuộc họp HĐQT.
- Phối hợp với HĐQT trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

### 3. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

#### ❖ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Chi phí hoạt động của HĐQT:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	352,550,360	Phí biệt phái (từ 1/1/2018 – 18/03/2018)
2	Ông Yutaka Ogami	Chủ tịch	1,524,560,000	Phí biệt phái (từ 1/1/2018 – 31/12/2018)
3	Ông Takeshi Fukushima	Thành viên	1,107,460,000	Phí biệt phái (từ 1/1/2018 – 31/12/2018)
4	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	1,818,000,000	Lương (từ 1/1/2018 – 31/12/2018)
	<b>Cộng</b>		<b>4,802,570,360</b>	

**Ghi chú:** Phí biệt phái là khoản thanh toán của Công ty cho Kirin Holdings Company, Limited theo hợp đồng biệt phái, không trực tiếp chi trả cho các thành viên liên quan.

#### ❖ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Bà Trần Thị Ái Tâm	Trưởng ban	369,381,000	Lương (từ 1/1 – 31/12/2018)
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	0	
3	Ông Yasuomi Ouchi	Thành viên	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>369,381,000</b>	

- Ngoài ra, BGD đề nghị HĐQT và Đại hội đồng cổ đông 2019 chấp thuận cho Công ty không kê khai và thanh toán thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2018 và giữ lại toàn bộ lợi nhuận phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2018 để bổ sung vốn hoạt động của Công ty và BKS đồng ý với đề xuất của BGD.
- Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 chấp thuận cho Công ty không kê khai và trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2018.

### 4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2018, không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018 (ĐÍNH KÈM)

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



YUTAKA OGAMI



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)

Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai - Tel: (0251) 3511138 - Fax: (0251) 3512498

Website: [www.wonderfarmonline.com](http://www.wonderfarmonline.com)



**SAO Y BẢN CHÍNH**



**YUTAKA OGAMI**  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám Đốc

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế  
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018





**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007  
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010  
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011  
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011  
472033000328 (điều chỉnh lần 5) ngày 14 tháng 5 năm 2014  
472033000328 (điều chỉnh lần 6) ngày 30 tháng 12 năm 2015  
6525867086 (điều chỉnh lần 7) ngày 5 tháng 2 năm 2016  
6525867086 (điều chỉnh lần 8) ngày 28 tháng 12 năm 2016  
6525867086 (điều chỉnh lần 9) ngày 25 tháng 1 năm 2017  
6525867086 (điều chỉnh lần 10) ngày 8 tháng 4 năm 2018

Giấy phép Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Đầu tư số 270/CPH/GCNDCC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép Đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Các Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số** 3600245631 ngày 21 tháng 1 năm 2016  
3600245631 ngày 19 tháng 3 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Yutaka Ogami	Chủ tịch (từ ngày 16 tháng 3 năm 2018) Thành viên (đến ngày 16 tháng 3 năm 2018)
Toru Yamasaki	Chủ tịch (đến ngày 16 tháng 3 năm 2018)
Takeshi Fukushima	Thành viên (từ ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Osamu Harada	Thành viên (từ ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Shinro Fujita	Thành viên (từ ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Yasuomi Ouchi	Thành viên (từ ngày 27 tháng 3 năm 2018)

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Hội đồng Quản trị**  
**(tiếp theo)**

Nguyễn Thị Kim Liên  
Hajime Kobayashi

Thành viên  
Thành viên  
(đến ngày 27 tháng 3 năm 2018)

Hirotsugu Otani

Thành viên  
(đến ngày 27 tháng 3 năm 2018)

**Ban Giám đốc**

Yutaka Ogami

Tổng Giám đốc/Giám đốc  
Hành chính

(từ ngày 16 tháng 3 năm 2018)

Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch

(đến ngày 29 tháng 3 năm 2018)

Toru Yamasaki

Tổng Giám đốc

(đến ngày 16 tháng 3 năm 2018)

Ryuta Onda

Giám đốc/Giám đốc Nhà máy

(từ ngày 29 tháng 3 năm 2018)

Fumiaki Furuya

Giám đốc/Giám đốc Nhà máy

(đến ngày 29 tháng 3 năm 2018)

Nguyễn Thị Kim Liên

Giám đốc/Giám đốc

Kiểm soát Nội bộ

Tomohide Ito

Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch

(từ ngày 29 tháng 3 năm 2018)

Takeshi Fukushima

Giám đốc/Giám đốc Marketing/

Giám đốc Kinh doanh

**Trụ sở đăng ký**

Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước  
Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

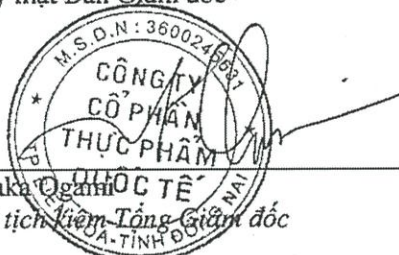
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

  
Yutaka Ogami  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00377-19-2



  
Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

  
Auvarin Phor  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2252-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND'000</b>	<b>1/1/2018 VND'000</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>519.707.305</b>	<b>482.358.985</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>262.171.897</b>	<b>268.014.283</b>
Tiền	111		262.171.897	268.014.283
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.272.625</b>	<b>28.879.709</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	28.741.447	25.565.487
Trả trước cho người bán	132		6.123.998	5.683.291
Phải thu ngắn hạn khác	136		516.133	522.627
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(2.108.953)	(2.891.696)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>223.853.255</b>	<b>184.705.251</b>
Hàng tồn kho	141		224.153.307	185.019.988
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(300.052)	(314.737)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>409.528</b>	<b>759.742</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		293.467	663.478
Thuế phải thu Nhà nước	153		116.061	96.264

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND'000</b>	<b>1/1/2018 VND'000</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>201.038.294</b>	<b>212.041.292</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.750.728</b>	<b>1.575.362</b>
Phải thu dài hạn khác	216		1.750.728	1.575.362
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153.706.176</b>	<b>182.322.856</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	147.458.258	175.164.347
Nguyên giá	222		558.260.814	556.862.484
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(410.802.556)	(381.698.137)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	115.852	155.572
Nguyên giá	225		198.603	198.603
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(82.751)	(43.031)
Tài sản cố định vô hình	227	10	6.132.066	7.002.937
Nguyên giá	228		14.082.575	13.315.814
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.950.509)	(6.312.877)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>45.581.390</b>	<b>28.143.074</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	27.373.773	28.143.074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	18.207.617	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>720.745.599</b>	<b>694.400.277</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND'000	1/1/2018 VND'000
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>216.066.835</b>	<b>369.817.247</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>210.971.535</b>	<b>363.804.425</b>
Phải trả người bán	311	13	89.092.470	79.089.874
Người mua trả tiền trước	312		5.555.632	3.614.356
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	17.847.180	14.308.692
Phải trả người lao động	314		8.161.198	8.242.929
Chi phí phải trả	315	15	89.306.325	75.576.402
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.008.730	1.092.172
Vay ngắn hạn	320	17(a)	-	181.880.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.095.300</b>	<b>6.012.822</b>
Nợ thuê tài chính dài hạn	338	17(b)	136.581	169.203
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	12	1.432.672	2.267.180
Dự phòng phải trả	342	18	3.526.047	3.576.439
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>504.678.764</b>	<b>324.583.030</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>504.678.764</b>	<b>324.583.030</b>
Vốn cổ phần	411	20	871.409.840	871.409.840
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		871.409.840	871.409.840
Thặng dư vốn cổ phần	412		85.035.704	85.035.704
Vốn khác của chủ sở hữu	420	21	57.498.796	57.498.796
Lỗi lũy kế	421		(513.141.273)	(693.306.137)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(693.306.137)	(809.395.788)
- Lợi nhuận năm nay	421b		180.164.864	116.089.651
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.875.697	3.944.827
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>720.745.599</b>	<b>694.400.277</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Utaka Ogami  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND'000	2017 VND'000
Doanh thu bán hàng	01	23	1.719.312.753	1.525.892.179
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	141.768.023	105.207.528
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>1.577.544.730</b>	<b>1.420.684.651</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	953.603.017	918.125.713
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>623.941.713</b>	<b>502.558.938</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.463.045	8.594.690
Chi phí tài chính	22	26	11.814.144	11.753.484
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.444.401</i>	<i>4.496.128</i>
Chi phí bán hàng	25	27	369.829.630	330.222.418
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	35.194.613	35.948.250
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>215.566.371</b>	<b>133.229.476</b>
Thu nhập khác	31	29	4.073.716	1.345.361
Chi phí khác	32	30	10.837.235	5.659.481
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.763.519)</b>	<b>(4.314.120)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>208.802.852</b>	<b>128.915.356</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	47.749.243	13.921.299
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(19.042.125)	(1.070.851)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>180.095.734</b>	<b>116.064.908</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND'000	2017 VND'000
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (mang sang từ trang trước)	<b>60</b>		<b>180.095.734</b>	<b>116.064.908</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty	61		180.164.864	116.089.651
Lỗ thuộc về cổ đông không kiểm soát	62		(69.130)	(24.743)
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	70	33	2.068	1.332

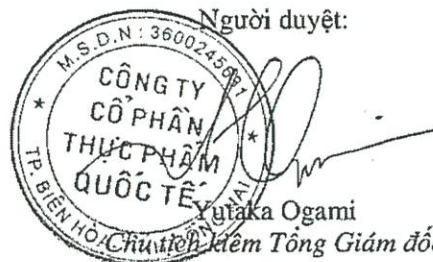
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Yutaka Ogami  
Giám đốc

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND'000	2017 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>208.802.852</b>	<b>128.915.356</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		31.417.977	31.384.662
Các khoản dự phòng	03		1.846.611	(132.218)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.976)	(373.544)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(909.710)	(1.229.515)
Chi phí lãi vay	06		2.444.401	4.496.128
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>243.590.155</b>	<b>163.060.869</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(4.694.674)	1.198.837
Biến động hàng tồn kho	10		(40.353.410)	(54.891.306)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		25.587.414	1.392.731
Biến động chi phí trả trước	12		1.139.312	3.019.736
			<b>225.268.797</b>	<b>113.780.867</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.614.003)	(4.950.820)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16		(44.692.971)	(9.686.871)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>177.961.823</b>	<b>99.143.176</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.801.297)	(7.118.509)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		210.364	380.091
Tiền thu lãi tiền gửi	27		699.346	849.424
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.891.587)</b>	<b>(5.888.994)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND'000	2017 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(181.880.000)	(63.798.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(32.622)	(25.636)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(181.912.622)</b>	<b>(63.823.636)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>(5.842.386)</b>	<b>29.430.546</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>268.014.283</b>	<b>238.583.737</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>262.171.897</b>	<b>268.014.283</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Yutaka Ogami  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty nắm giữ 90,4% lợi ích vốn trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“Avafood”). Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con, Avafood (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết kể từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó được giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại thị trường chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2016.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga và không ga, chế biến nước giải khát không ga và có ga, có độ cồn thấp hoặc không có cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước uống tinh khiết; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Avafood là cung cấp dịch vụ chế biến và sản xuất các sản phẩm bao gồm nước trái cây, nước giải khát, nước tinh khiết; bánh, mứt và kẹo, thức ăn nhẹ; các loại sản phẩm nông sản, thủy sản và chăn nuôi; cho thuê nhà xưởng, văn phòng; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 635 nhân viên (1/1/2018: 686 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch, số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	30 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f)(ii).

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Chi phí nâng cấp**

Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày hoàn tất việc nâng cấp.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn hợp nhất kinh doanh**

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, phần chênh lệch giữa khoản thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của bên được mua trong hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung, được ghi nhận là vốn hợp nhất kinh doanh trong vốn khác của chủ sở hữu.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu vì Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và bộ phận chia theo vùng địa lý.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh thực phẩm và nước giải khát, và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tiền mặt	84.230	132.496
Tiền gửi ngân hàng	262.087.667	267.881.787
	262.171.897	268.014.283

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Công ty TNHH Dịch vụ EB	5.572.328	3.744.485
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp VinCommerce	4.806.694	3.400.699
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	3.898.136	2.798.644
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	3.202.498	3.108.148
Các khách hàng khác	11.261.791	12.513.511
	28.741.447	25.565.487

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Ngắn hạn	28.741.447	25.565.487

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi đường	26.965	-	53.355	-
Nguyên vật liệu	61.008.990	-	56.050.954	(17.918)
Công cụ và dụng cụ	5.467.593	(296.819)	5.515.174	(296.819)
Sản phẩm dở dang	4.284.841	-	5.558.360	-
Thành phẩm	153.364.918	(3.233)	117.842.145	-
	<b>224.153.307</b>	<b>(300.052)</b>	<b>185.019.988</b>	<b>(314.737)</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2018 VND'000	2017 VND'000
Số dư đầu năm	314.737	1.291.214
Tăng dự phòng trong năm	1.205.406	17.918
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.220.091)	(994.395)
Số dư cuối năm	<b>300.052</b>	<b>314.737</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	117.748.737	421.182.171	7.822.533	10.109.043	556.862.484
Tăng trong năm	-	293.390	-	1.741.146	2.034.536
Thanh lý	-	-	(591.325)	(44.881)	(636.206)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>117.748.737</b>	<b>421.475.561</b>	<b>7.231.208</b>	<b>11.805.308</b>	<b>558.260.814</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	39.959.426	330.460.740	5.947.724	5.330.247	381.698.137
Khấu hao trong năm	3.993.650	23.711.681	562.840	1.472.454	29.740.625
Thanh lý	-	-	(591.325)	(44.881)	(636.206)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.953.076</b>	<b>354.172.421</b>	<b>5.919.239</b>	<b>6.757.820</b>	<b>410.802.556</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	77.789.311	90.721.431	1.874.809	4.778.796	175.164.347
Số dư cuối năm	73.795.661	67.303.140	1.311.969	5.047.488	147.458.258

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 66.418 triệu VND (1/1/2018: 63.404 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 16.648 triệu VND (1/1/2018: 14.919 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	198.603
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	43.031
Khấu hao trong năm	39.720
	82.751
<b>Số dư cuối năm</b>	
	82.751
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	155.572
Số dư cuối năm	115.852

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	13.315.814
Tăng trong năm	766.761
	14.082.575
<b>Số dư cuối năm</b>	
	14.082.575
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	6.312.877
Khấu hao trong năm	1.637.632
	7.950.509
<b>Số dư cuối năm</b>	
	7.950.509
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	7.002.937
Số dư cuối năm	6.132.066

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND'000	Chi phí nâng cấp VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Chi phí khác VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	24.879.013	184.695	3.077.498	1.868	28.143.074
Tăng trong năm	-	-	1.620.000	-	1.620.000
Phân bổ trong năm	(694.998)	(119.855)	(1.572.580)	(1.868)	(2.389.301)
Số dư cuối năm	24.184.015	64.840	3.124.918	-	27.373.773

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Thuế suất	31/12/2018 VND'000	1/1/2018 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí phải trả	20%	17.746.047	-
Dự phòng phải thu khó đòi	20%	401.560	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	60.010	-
		18.207.617	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Tài sản cố định	20%	1.432.672	2.267.180



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown (Đồng Nai)	24.211.934	24.211.934	22.311.049	22.311.049
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	17.898.147	17.898.147	20.809.020	20.809.020
Công ty TNHH Việt Nam Chuanli Can Manufacturing	10.367.798	10.367.798	5.124.576	5.124.576
Các nhà cung cấp khác	36.614.591	36.614.591	30.845.229	30.845.229
	<b>89.092.470</b>	<b>89.092.470</b>	<b>79.089.874</b>	<b>79.089.874</b>

**(b) Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	89.092.470	89.092.470	79.089.874	79.089.874

**(c) Phải trả người bán là bên liên quan**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam, một bên liên quan	17.898.147	17.898.147	20.809.020	20.809.020

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải trả cho Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam phản ánh khoản phí gia công phải trả, không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND'000	Phát sinh VND'000	Nộp VND'000	Cán trừ VND'000	31/12/2018 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	8.096.949	161.001.172	(60.917.772)	(99.916.949)	8.263.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.296.087	47.749.243	(44.692.971)	-	8.352.359
Thuế thu nhập cá nhân	915.656	6.000.540	(5.966.228)	-	949.968
Các loại thuế khác	-	1.094.517	(813.064)	-	281.453
	<b>14.308.692</b>	<b>215.845.472</b>	<b>(112.390.035)</b>	<b>(99.916.949)</b>	<b>17.847.180</b>

**15. Chi phí phải trả**

	31/12/2018 VND'000	1/1/2018 VND'000
Chiết khấu thương mại và hoa hồng bán hàng	33.256.071	27.687.606
Chi phí khuyến mãi	35.722.939	24.915.334
Chi phí vận chuyển	1.331.112	3.241.023
Phí đặc phái nhân viên (*)	-	2.854.337
Chi phí lãi vay	-	169.602
Chi phí khác	18.996.203	16.708.500
	<b>89.306.325</b>	<b>75.576.402</b>

(\*) Theo Hợp đồng đặc phái nhân viên ngày 1 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã đồng ý trả phí đặc phái nhân viên cho Kirin Holdings Company, Limited, một bên liên quan, là đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ cho Tập đoàn với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng cho từng nhân viên cụ thể.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Cổ tức phải trả	505.391	505.391
Phải trả phi thương mại cho một bên liên quan	201.817	493.867
Phải trả khác	301.522	92.914
	<hr/>	<hr/>
	1.008.730	1.092.172
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả phi thương mại cho một bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay và nợ	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Hoàn trả VND'000	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	
(a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	181.880.000	181.880.000	(181.880.000)	-	-	-

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn không đảm bảo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND'000	1/1/2018 VND'000
Khoản vay từ Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd	USD	Libor cộng 0,8%	-	181.880.000

**(b) Nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2018 VND'000	1/1/2018 VND'000
Nợ thuê tài chính	136.581	169.203

Điều khoản và điều kiện của các khoản nợ thuê tài chính như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND'000	1/1/2018 VND'000
Nợ từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	VND	21,6%	2021	136.581	169.203

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND'000	Tiền lãi thuê VND'000	Nợ gốc VND'000
Trong vòng 1 năm	65.282	25.945	39.337
Trong vòng 2 đến 5 năm	118.817	21.573	97.244
	<u>184.099</u>	<u>47.518</u>	<u>136.581</u>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Dự phòng phải trả**

Biến động trong năm của dự phòng phải trả như sau:

	<b>Dự phòng trợ cấp thôi việc VND'000</b>
Số dư đầu năm	3.576.439
Dự phòng lập trong năm	540.054
Dự phòng sử dụng trong năm	(590.446)
	<hr/>
Số dư cuối năm	<b>3.526.047</b>



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>và 1/1/2018</b>
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND'000</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.992	871.409.920
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.984	871.409.840

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**21. Vốn khác của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Vốn hợp nhất kinh doanh (i)	(32.535.252)	(32.535.252)
Vốn khác (ii)	90.034.048	90.034.048
	57.498.796	57.498.796

(i) Trong năm 2007, Công ty đã mua lại 90,4% vốn cổ phần của Avafood trong một giao dịch hợp nhất kinh doanh có liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung. Khoản này phản ánh chênh lệch giữa tổng thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của Avafood được phân bổ cho Tập đoàn tại ngày mua.

(ii) Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với các quy định trong Thông tư số 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái là 1 USD đổi 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được ghi nhận trong vốn khác của chủ sở hữu.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong vòng 1 năm	6.085.004	4.115.361
Trong vòng 2 đến 5 năm	9.170.109	1.135.397
	<b>15.255.113</b>	<b>5.250.758</b>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	60.133	1.392.302	67.290	1.524.451
EUR	306	8.165	317	8.600
		<b>1.400.467</b>		<b>1.533.051</b>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Doanh thu từ bán nước giải khát	1.467.375.905	1.317.091.165
▪ Doanh thu từ bán các sản phẩm khác	251.100.246	207.196.076
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	836.602	1.604.938
	1.719.312.753	1.525.892.179
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Giảm giá hàng bán	141.761.164	104.838.279
▪ Hàng bán bị trả lại	6.859	369.249
	141.768.023	105.207.528
<b>Doanh thu thuần</b>	1.577.544.730	1.420.684.651

**24. Giá vốn hàng bán**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Tổng giá vốn hàng bán</b>		
▪ Giá vốn của nước giải khát	837.071.202	808.052.176
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	116.531.815	110.073.537
	953.603.017	918.125.713

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	699.346	849.424
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.763.699	7.745.266
	<hr/>	<hr/>
	8.463.045	8.594.690
	<hr/>	<hr/>

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí lãi vay	2.444.401	4.496.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.369.743	7.257.356
	<hr/>	<hr/>
	11.814.144	11.753.484
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí bán hàng**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên và chi phí hỗ trợ	162.681.531	156.514.297
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	100.852.452	79.559.893
Chi phí vận chuyển	75.374.238	67.005.502
Chi phí thuê	9.723.778	8.523.425
Chi phí khác	21.197.631	18.619.301
	<hr/>	<hr/>
	369.829.630	330.222.418
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên	12.744.170	12.598.325
Chi phí tư vấn	3.143.972	3.673.957
Chi phí thuê	3.481.041	3.308.835
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.478.174	2.878.746
Chi phí dự phòng	641.205	844.259
Chi phí khác	11.706.051	12.644.128
	35.194.613	35.948.250

**29. Thu nhập khác**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	210.364	380.091
Thu nhập khác	3.863.352	965.270
	4.073.716	1.345.361

**30. Chi phí khác**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng	8.641.790	5.444.090
Chi phí khác	2.195.445	215.391
	10.837.235	5.659.481

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2018 VND'000	2017 VND'000
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	689.063.247	686.684.046
Chi phí nhân công và nhân viên và chi phí hỗ trợ	214.535.717	212.291.287
Chi phí khấu hao	31.417.977	31.384.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.639.902	389.411.314
Chi phí khác	28.141.198	25.248.474
	<hr/>	<hr/>

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2018 VND'000	2017 VND'000
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	47.749.243	13.921.299
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(19.042.125)	(1.070.851)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28.707.118	12.850.448
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2018 VND'000	2017 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	208.802.852	128.915.356
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	41.760.570	25.783.071
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.402.421	875.850
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trước đây chưa được ghi nhận	(15.455.873)	-
Các chênh lệch tạm thời trước đây chưa được ghi nhận	-	(207.070)
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-	(13.601.403)
	<hr/>	<hr/>
	28.707.118	12.850.448
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên. Do đó, từ năm 2006 trở đi Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay thế Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào các dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo cho lợi nhuận của các dây chuyền sản xuất mới này.

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay thế Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định số 124/2008/NĐ-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn thành việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**(ii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Avafood có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bánh, mứt, bánh kẹo các loại, các loại sản phẩm nông sản, thủy sản, gia súc cho 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Avafood được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 3 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Avafood không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong 3 năm liên tiếp từ năm đầu tiên Avafood có doanh thu thì thời gian miễn giảm thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho lợi nhuận hàng năm từ dịch vụ gia công, hoạt động cho thuê nhà văn phòng và nhà xưởng được tính theo thuế suất của các quy định hiện hành (2018 và 2017: 20%).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

### **33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số lãi thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, được tính như sau:

#### **(a) Lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông	180.164.864	116.089.651

#### **(b) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	87.140.984	87.140.984

